

Bản án số: 11/2024/LĐ-ST
Ngày: 22-5-2024
V/v tranh chấp lao động về tiền lương
tiền nghỉ phép

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Hồng Phương
- Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 48/2023/TLST-LĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp lao động về tiền lương, tiền nghỉ phép” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Đình Đ A, sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: Số 399 Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần tập đoàn DNU; Địa chỉ trụ sở: Số 06 Lê Đức Thọ, Phường 07, quận Gò Vấp, Tp. HCM.

Đại diện ủy quyền: Ông Ngô Minh T (có mặt)
(Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2024)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - ông Lê Đình Đ A trình bày:

Ngày 28/10/2022, ông Đ A và Công ty Cổ phần Tập đoàn DNU (sau đây gọi tắt là công ty DNU) cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động số 23/2022/HĐLĐ/DNUGROUP với nội dung: Loại hợp đồng lao động: xác định

thời hạn, bắt đầu từ ngày 28/10/2022 đến hết ngày 27/10/2023; Chức vụ: Trợ lý Tổng Giám đốc; Theo như thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng lao động thì mức lương hàng tháng căn cứ theo: Mức lương cơ bản: 5.250.000 đồng; Phụ cấp vị trí: 2.000.000 đồng; Lương hiệu quả công việc: 7.750.000 đồng. Tổng là: 15.000.000 đồng. Kỳ hạn trả lương từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng. Một tháng làm việc 26 ngày. Trong quá trình làm việc ông Đ A được điều chuyển tại các phòng ban như: Ban tài chính và Đầu tư, ban pháp chế. Từ tháng 04/2023, phía công ty DNU liên tục ban hành các thông báo nợ lương gửi tới người lao động như Thông báo số 19/2020/TB-DNUGROUP ngày 25/5/2023 về việc nợ lương tháng 3, tháng 4 và kế hoạch làm việc từ tháng 06/2023. Sau khi nhận các thông báo về việc nợ lương, do không đồng ý nên ông Đ A đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại đến công ty để yêu cầu công ty thực hiện đúng nghĩa vụ trả lương cho người lao động theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 08/6/2023, ông Đ A nhận được quyết định số 18/2023/QĐ-DNUGROUP ngày 31/5/2023 với nội dung: Áp dụng chế độ tạm ngưng công việc đối với ông Lê Đình Đ A kể từ ngày 10/6/2023 cho đến khi có quyết định khác thay thế. Lý do là công ty đang gặp khó khăn về kinh tế nên giảm giờ làm, tạm ngưng công việc trong thời gian công ty sắp xếp lại. Sau khi nhận được Quyết định số 18 thì ông Đ A làm đơn xin nghỉ phép và bắt đầu ngừng việc từ ngày 10/6/2023. Ngày 27/10/2023, ông nhận được thông báo số 02/2023/TB/CD-DNUGROUP Về việc chấm dứt hợp đồng lao động đề ngày 24/10/2023 và Quyết định số 20/2023/QĐTV-DNUGROUP về việc thanh lý hợp đồng lao động với nội dung: Hết hạn hợp đồng lao động và không tái ký; Thanh lý hợp đồng lao động với ông Lê Đình Đ A, nghỉ việc kể từ ngày 28/10/2023. Tuy nhiên, từ sau khi ngừng việc cho đến nay, phía công ty DNU chưa trả đủ lương cho ông Đ A vì vậy ông Đ A khởi kiện yêu cầu công ty DNU phải trả các khoản sau:

- Tiền lương chưa trả đủ của tháng 3, tháng 4, tháng 5/2023 là 26.386.000 đồng

- Tiền lương trong thời gian ngừng việc từ 01/6/2023 đến hết ngày 27/10/2023 là 65.737.330 đồng.

- Tiền phép năm của 04 ngày nghỉ phép trong thời gian ngừng việc là 2.307.692 đồng.

Tổng cộng số tiền ông Đ A yêu cầu Công ty DNU phải trả là 94.431.022 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Ngô Minh Thiện xác nhận: Ngày 28/10/2022, Công ty DNU và ông Đ A có ký Hợp đồng lao động và thỏa thuận mức lương như ông Đ A đã trình bày. Tuy nhiên, kể từ tháng 4/2023, do điều kiện kinh tế khó khăn, phía công ty không thu hồi được nợ từ các nhà cung cấp cũng như các đối tác kinh doanh nên công ty

phải gửi thông báo nợ lương đến người lao động. Công ty xác nhận còn nợ tiền lương tháng 3, tháng 4 và tháng 5/2023 của ông Đ A là 26.386.000 đồng. Đối với số tiền lương trong thời gian ông Đ A ngừng việc từ ngày 01/6/2023 đến hết ngày 27/10/2023 thì công ty sẽ trả theo như thỏa thuận tại Điều 3 của Quyết định số 18/2023/QĐ-DNUGROUP ngày 31/5/2023 cụ thể là: $2.625.000 \times 5 = 13.125.000$ đồng. Trong thời gian ngừng việc, mặc dù ông Đ A không đi làm, không tạo ra giá trị kinh tế cho công ty nhưng công ty vẫn thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội đầy đủ để đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Hiện nay công ty chỉ hoạt động mang tính chất duy trì để thu hồi các khoản nợ nên công ty sẽ cố gắng trả tiền lương cho ông Đ A trong thời gian sớm nhất. Đối với yêu cầu trả tiền của 04 ngày nghỉ phép trong thời gian ngừng việc phía công ty không đồng ý. Vì vậy, phía công ty chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Ngô Minh Thiện chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chi trả các khoản tiền lương, tiền nghỉ phép, đây là tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, căn cứ các điều 32, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền lương còn nợ của tháng 3, tháng 4, tháng 5/2023.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự xác nhận: ngày 28/10/2022 Công ty DNU ông và Đ A ký hợp đồng lao động số 23/2022/HĐLĐ/DNUGROUP và tiền lương công ty DNU chưa trả đủ của tháng 3, tháng 4 và tháng 5/2023 là 26.386.000 đồng. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc công ty DNU không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lương cho người lao động là vi phạm quy định tại Điều 4 của Hợp đồng lao động đã ký, vi phạm quy định tại Điều 90, Điều 94, Điều 95 của Bộ luật lao động 2019. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu chi trả 65.737.330 đồng tiền lương ngừng việc từ ngày 01/6/2023 đến ngày 27/10/2023.

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-DNUGROUP ngày 31/5/2023 thì Công ty DNU áp dụng chế độ ngừng việc đối với ông Đ A với lý do công ty có khó khăn về kinh tế, tuy nhiên công ty DNU không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Lý do công ty DNU cho ông Đ A ngừng việc không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 99 Bộ luật lao động năm 2019. Do đó việc công ty DNU chỉ đồng ý trả lương cho người lao động bằng một nửa mức lương cơ bản là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện công ty DNU xác nhận việc công ty sắp xếp cho ông Đ A ngừng việc không phải do lỗi của người lao động. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật lao động năm 2019 thì ông Đ A được trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động. Do đó, yêu cầu của ông Đ A được thanh toán tiền lương trong thời gian ngừng việc là có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ theo Hợp đồng lao động ngày 28/10/2022 thì Tiền lương của ông Đ A được thỏa thuận như sau: Mức lương cơ bản: 5.250.000 đồng; Phụ cấp vị trí: 2.000.000 đồng; Lương hiệu quả công việc: 7.750.000 đồng. Xét thấy, căn cứ vào sự xác nhận của công ty DNU và ông Đ A thì trong thời gian ngừng việc ông Đ A không đi làm, không tạo ra giá trị kinh tế cho công ty vì vậy ông Đ A không được hưởng lương theo vị trí và hiệu quả công việc. Do đó, cần buộc công ty DNU thanh toán tiền lương cho ông Đ A trong thời gian ngừng việc như sau: 5.250.000 đồng (lương cơ bản) x 5 tháng = 26.250.000 đồng.

[2.4] Về yêu cầu chi trả tiền nghỉ phép của 04 ngày nghỉ phép trong thời gian ngừng việc:

Như đã phân tích ở trên, việc công ty DNU áp dụng chế độ ngừng việc đối với người lao động không phải do lỗi của người lao động. Căn cứ Điều 2 của Hợp đồng lao động ngày 28/10/2022 thì ông Đ A có 12 ngày nghỉ phép trong một năm. Căn cứ khoản 3 Điều 113 Bộ luật lao động năm 2019: *“Trường hợp bị thôi việc, mất việc làm mà chưa nghỉ hàng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm thì được người sử dụng lao động thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ.”* Căn cứ khoản 9 Điều 65 nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động thì: *“Thời gian phải ngừng việc không phải do lỗi của người lao động được coi là thời gian làm việc để tính số ngày nghỉ hàng năm của người lao động”*. Vì vậy, yêu cầu của ông Đ A về việc thanh toán tiền của 04 ngày nghỉ phép năm trong thời gian ngừng việc là có căn cứ nên được chấp nhận. Cần buộc Công ty DNU thanh toán số tiền của 04 ngày nghỉ phép như sau: 5.250.000 đồng (lương cơ bản) : 26 ngày) x 4 = 807.692.000 đồng.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm:

Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí theo quy định điểm a Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền lương phải trả cho người lao động là $53.453.692 \times 3\% = 1.603.610$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90, 94, 95, 96, 99, 113 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Đ A.

- Buộc Công ty Cổ phần tập đoàn DNU thanh toán cho ông Lê Đình Đ A tiền lương còn thiếu của tháng 3, tháng 4 và tháng 5/2023 với số tiền là 26.386.000 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần tập đoàn DNU thanh toán cho ông Lê Đình Đ A tiền lương ngừng việc từ ngày 01/6/2023 đến ngày 27/10/2023 với số tiền là 26.260.000 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần tập đoàn DNU thanh toán cho ông Lê Đình Đ A tiền của 04 ngày nghỉ phép năm trong thời gian ngừng việc với số tiền là 807.692 đồng.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần tập đoàn DNU phải thanh toán cho ông Lê Đình Đ A là 53.453.692 đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn thi hành án, nếu Công ty Cổ phần tập đoàn DNU không thi hành thì Công ty Cổ phần tập đoàn DNU còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần tập đoàn DNU phải chịu số tiền án phí 1.603.610 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kiều Oanh